

Số: 03/2022/QĐST-HNGĐ

Phong Điền, ngày 12 tháng 01 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 106/2021/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2021 giữa:

Chị Nguyễn Thị Đ, sinh ngày 12 tháng 01 năm 1986; Địa chỉ: Đội 4, Thôn 2, K, xã Điền Môn, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Anh Nguyễn Nhật T, sinh ngày 04 tháng 02 năm 1984; Địa chỉ: Đội 4, Thôn 2, K, xã Điền Môn, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04 tháng 01 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 04 tháng 01 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị Nguyễn Thị Đ, sinh ngày 12 tháng 01 năm 1986; Địa chỉ: Đội 4, Thôn 2, K, xã Điền Môn, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Anh Nguyễn Nhật T, sinh ngày 04 tháng 02 năm 1984; Địa chỉ: Đội 4, Thôn 2, K, xã Điền Môn, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con chung: Chị Đ, anh T có 03 con chung:

- Cháu Nguyễn Thị Quỳnh T1, sinh ngày 04/5/2012;
- Cháu Nguyễn Thị Thanh T2, sinh ngày 04/8/2016;

- Nguyễn Văn T3, sinh ngày 18/10/2018.

Chị Đ, anh T thỏa thuận sau khi ly hôn giao cháu Nguyễn Thị Quỳnh T1, sinh ngày 04/5/2012 cho chị Nguyễn Thị Đ; giao cháu Nguyễn Thị Thanh T2, sinh ngày 04/8/2016 và cháu Nguyễn Văn T3, sinh ngày 18/10/2018 cho anh Nguyễn Nhật T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng kể từ tháng 01/2022 cho đến khi cả 3 cháu T1, T2, T3 đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Hai đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản và nghĩa vụ chung về tài sản: Hai đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Đ tự nguyện chịu toàn bộ án phí thuận tình ly hôn là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi ngàn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu số 0001823 ngày 24/12/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế; chị Đ được nhận lại 150.000 đồng (Một trăm năm mươi ngàn đồng)

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND xã Điền Môn;
- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND huyện Phong Điền;
- THADS huyện Phong Điền;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Ấn văn.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Nguyễn Văn Đạt